TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/DSPT
Ngày: 5/6/2020
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BN

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hòa.
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thanh Bình.
Ông Trần Văn Chinh.
***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thị Thu Hiền -Thư ký TAND tỉnh BN.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa*:** Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 5 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh BN xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 55/2020/TLPT- DS ngày 30/3/2020 về "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2019/DS-ST ngày 26/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh BN bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 52/2020/QĐ-PT ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh BN giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1950 (Có mặt).
HKTT: Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, tỉnh BN.
Người đại diện theo ủy quyền của ông Th là: ông Đặng Thế S, sinh năm 1943 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn An M, xã Mỹ H, huyện LT, tỉnh BN.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1956 (Có mặt).
HKTT: Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, tỉnh BN.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. UBND xã Trung K, huyện LT - Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn V - Chủ tịch UBND xã Trung K. Ủy quyền hợp pháp cho ông Vũ Đình B - Nguyên cán bộ địa chính xã Trung K (Có đơn xin xét xử vắng mặt);
2. Bà Vũ Thị N, sinh năm 1965. (Uỷ quyền cho Ông Nguyễn Văn T)
HKTT: Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, tỉnh BN;
3. Bà Bùi Thị B, sinh năm 1957 (Có mặt).

HKTT: Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, tỉnh BN.

Do có kháng cáo của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Ông Nguyễn Văn T trình bày: Gia đình ông có 01 ao ở thửa số 10, tờ bản đồ số 25, diện tích 555m^2 nằm tại Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, tỉnh BN nguồn gốc ao là do bố mẹ ông là ông Nguyễn Văn Đ và bà Hán Thị M để lại cho ông và em ruột ông là ông Nguyễn Văn T (Đã chết). Hai anh em ông vẫn sử dụng từ năm 1980 đến nay. Khi Nhà nước có chủ trương chia lại ruộng đất ổn định lâu dài vì muốn được sử dụng ao nên gia đình ông phải trừ diện tích ruộng 10% ngoài đồng để được sử dụng cái ao đó và gia đình ông vẫn nộp thuế ao theo quy định cho đến khi không phải nộp thuế theo chính sách chung. Năm 2000 khi có chủ trương đo lại đất ở trong thôn để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do có sự nhầm lẫn của người dẫn đạt và của cán bộ địa chính xã Trung K nên diện tích đó không ghi tên ông và ông Tha trong hồ sơ địa chính, mà người đứng tên ao đó lại mang tên Ông Nguyễn Văn Đ là em con ông chú ruột của ông, trước đây trong quá trình sử dụng chung diện tích ao này ông Tha là em ruột ông đã đổi một diện tích ao cho ông Đạt để gia đình ông Tha lấy một phần đất của nhà ông Đạt làm lối đi riêng của gia đình. Nay ông xác định 01 ao thửa số 10, tờ bản đồ số 25, diện tích 555m^2 nằm tại Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, tỉnh BN là ao của gia đình ông chứ không phải là ao của gia đình ông Đạt nên ông yêu cầu Toà án giải quyết để buộc ông Đạt phải trả toàn bộ diện tích ao trên cho ông.

Theo Ông Nguyễn Văn Đ là bị đơn và Bà Bùi Thị B là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng trình bày: Về 01 ao ở thửa số 10, tờ bản đồ số 25, diện tích 555m^2 nằm tại Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, tỉnh BN nguồn gốc ao là do bố mẹ ông là ông Nguyễn Văn Khoát và bà Bùi Thị Thơi để lại cho ông. Khi còn sống bố mẹ ông vẫn đóng thuế ao và khi bố mẹ ông chết thì ông vẫn đóng thuế, nhưng từ khi Nhà nước có chủ trương không thu thuế ao nữa thì gia đình ông không đóng thuế nữa và giấy tờ liên quan đến việc đóng thuế ao ông không giữ được. Nay ông xác định 01 ao ở thửa số 10, tờ bản đồ số 25, diện tích 555m^2 nằm tại Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, tỉnh BN là ao của gia đình ông, ông là người đứng tên trên bản đồ địa chính do xã Trung K quản lý chứ không phải là ao của gia đình ông Th nên ông Th yêu cầu ông phải trả lại ao cho ông Th thì ông không đồng ý.

Với nội dung như trên bản án sơ thẩm đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, Điều

235, Điều 264, Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 21, Điều 59, Điều 202, điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Văn T đòi Ông Nguyễn Văn Đ trả lại 01 ao thửa số: 10, tờ bản đồ số: 25, diện tích 555m^2 nằm tại Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, tỉnh BN.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm, ngày 11/12/2019 Ông Nguyễn Văn T có đơn kháng toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Văn Th và đại diện theo ủy quyền của ông Th là ông Đặng Thế S giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo, không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm. Đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện để ông Th được quyền sử dụng 555 m^2 ao ở thửa số 10, tờ bản đồ số 25 tại Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, BN. Bị đơn là Ông Nguyễn Văn Đ không nhất trí với yêu cầu của ông Th, đề nghị HĐXX xem xét bác kháng cáo của ông Th và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết tranh chấp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh BN tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến phần tranh luận tại phiên tòa là đảm bảo theo đúng trình tự, quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của Ông Nguyễn Văn T nộp trong hạn luật định, đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo trình tự xét xử phúc thẩm.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

Thửa đất ao số 10, tờ bản đồ số 25, diện tích 555m^2 tại Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, tỉnh BN. Theo Ông Nguyễn Văn T trình bày có nguồn gốc là của ông Nguyễn Văn Đ và bà Hán Thị M (bố mẹ ông Th) để lại cho ông và em ruột ông là ông Nguyễn Văn T (Đã chết). Gia đình ông vẫn sử dụng diện tích ao này từ

năm 1980 đến nay, có đóng thuế đến khi nhà nước có chính sách không thu thuế. Sau Khi Nhà nước có chủ trương chia lại ruộng đất ổn định lâu dài vì muốn được sử dụng ao nên gia đình ông phải trừ diện tích ruộng 10% ngoài đồng để được sử dụng cái ao đó. Năm 2000 khi có chủ trương đo lại đất ở trong thôn để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do có sự nhầm lẫn của người dẫn đạt và của cán bộ địa chính xã Trung K nên diện tích ao đó không ghi tên ông và ông Tha trong hồ sơ địa chính, mà người đứng tên ao đó lại mang tên Ông Nguyễn Văn Đ, ông Th thừa nhận trước đây trong quá trình sử dụng chung diện tích ao này ông Tha đã đổi một diện tích ao cho ông Đạt để gia đình ông Tha lấy một phần đất của nhà ông Đạt làm lối đi riêng của gia đình. Phía ông Đạt cho rằng nguồn gốc thửa đất ao là của ông Nguyễn Văn Khoát và bà Bùi Thị Thơi (bố mẹ ông Đạt) để lại cho ông. Khi còn sống bố mẹ ông vẫn đóng thuế ao và khi bố mẹ ông chết thì ông vẫn đóng thuế, nhưng từ khi Nhà nước có chủ trương không thu thuế ao nữa thì gia đình ông không đóng thuế nữa và giấy tờ liên quan đến việc đóng thuế ao ông không giữ được. Hiện ông là người đứng tên trên bản đồ địa chính do xã Trung K quản lý chứ không phải là ao của gia đình ông Th. Ông Th đã khởi kiện vụ án tại Tòa án, Tòa án đã thụ lý vụ án và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, Ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Xem xét nội dung kháng cáo của ông Th đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện, giao cho ông quản lý sử dụng thửa đất ao là thửa số 10, tờ bản đồ số 25, diện tích 555m^2 tại Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, tỉnh BN. Hội đồng xét xử thấy:

Thứ nhất, trong quá trình khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh BN Ông Nguyễn Văn T có xuất trình cho Tòa án các bảng kê sổ đóng thuế đất nông nghiệp và đất ở. Theo bảng kê thuế đất này thể hiện thì gia đình ông Th có được nhà nước giao cho sử dụng một diện tích ao. Tuy nhiên, không thể hiện cụ thể thửa đất ao gia đình ông Th được sử dụng là thửa đất nào, diện tích thửa đất ao là bao nhiêu, vị trí của thửa đất ao trên bản đồ địa chính là ở đâu. Việc ông Th và những người làm chứng xác nhận diện tích đất ao ông Th đóng thuế, sử dụng là thửa đất ao hiện đang tranh chấp nhưng không có chứng cứ nào chứng minh nên không có căn cứ chấp nhận.

Thứ hai, Tòa án tiến hành xác minh tại UBND xã Trung K và đối với những người liên quan trong việc quản lý đất đai tại thôn Tháp Dương thì chỉ thu thập được các lời khai xác nhận mà Toà án không thu thập được tài liệu, chứng cứ nào thể hiện rõ thửa đất ao số 10, tờ bản đồ số 25, diện tích 555m^2 nằm tại Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, tỉnh BN là ao thuộc quyền sử dụng của ông Th. Trong khi đó tại biên bản làm việc ngày 14/11/2018, UBND xã Trung K xác định rõ là

thửa đất ao số 10, tờ bản đồ số 25 hiện tại UBND xã đang quản lý trên bản đồ địa chính, không thu thuế, thuộc diện tích đất nông nghiệp, không có quyết định giao đất, đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bất cứ hộ gia đình nào. Như vậy, việc ông Th cho rằng ông là người sử dụng đất hợp pháp của thửa đất ao số 10 là không có căn cứ.

Thứ ba, ông Th cho rằng gia đình ông phải trừ diện tích đất phần trăm ngoài đồng để được sử dụng diện tích thửa đất ao số 10, việc này có xác nhận của ông Đinh Văn Đạm là cán bộ địa chính xã Trung K thời kỳ 1989 thể hiện việc gia đình ông Th đã trừ toàn bộ diện tích đất phần trăm để được sử dụng thửa đất ao, nhưng không xuất trình được cho Tòa án các văn bản tài liệu chứng minh việc đổi đất. Trong khi đó tại các biên bản xác minh ngày 14/11/2018 và ngày 07/12/2018 đối với Đại diện UBND xã Trung K đều chỉ rõ, gia đình ông Th không có đất ruộng % và cung cấp cho Tòa án sổ sách về quản lý đất đai của UBND xã Trung K thể hiện về việc này. Hơn nữa về đất ở của hộ gia đình Ông Nguyễn Văn T hiện tại có 02 diện tích đã được UBND huyện LT cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có tổng diện tích là 800m^2 vì vậy tiêu chuẩn về đất ở của hộ gia đình ông Th đã lớn hơn rất nhiều theo quy định của nhà nước về đất ở hộ gia đình ở nông thôn. Như vậy, việc trình bày của ông Th về việc đổi ruộng % để được sử dụng đất ao là không có cơ sở chấp nhận.

Thứ tư, theo ông Th thì ông là người được sử dụng thửa đất ao này từ năm 1980 đến nay, có đóng thuế đến khi Nhà nước không thu thuế nữa. Tuy nhiên, trong suốt khoảng thời đó ông Th không đến kê khai với nhà nước về việc sử dụng đất của gia đình mình. Trong khi đó gia đình ông Đạt đã kê khai và được nhà nước lập bản đồ địa chính đứng tên trên sơ đồ kỹ thật thửa đất năm 2001. Sau khi nhà nước rà soát và lập hồ sơ địa chính đối với các thửa đất tại địa phương thì ông Th không có bất kỳ ý kiến hay khiếu kiện gì, đến năm 2017 thì ông Th mới có ý kiến đối với việc này là không phù hợp với ý kiến của ông Th cho rằng ông là người sử dụng thửa đất ao từ năm 1980.

Từ những căn cứ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không đủ căn cứ xác định quyền sử dụng của ông Th đối với thửa đất ao số 10, tờ bản đồ số 25, diện tích 555m^2 nằm tại Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, tỉnh BN. Việc bản án sơ thẩm quyết định bác yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn T là có căn cứ.

Tuy nhiên, xem xét các nội dung khác Hội đồng xét xử thấy, ông Th sinh năm 1950 là trên 60 tuổi nên thuộc đối tượng người cao tuổi theo luật định được miễn án phí. Việc bản án sơ thẩm buộc ông Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không thỏa đáng. Do vậy, cần chấp nhận một phần kháng cáo của Ông Nguyễn Văn T, sửa bản án sơ thẩm đối với phần tuyên xử án phí.

Ông Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm do được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308, 309 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 8, khoản 3 Điều 21, Điều 59, Điều 202, điểm b khoản 2 Điều 203 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Sửa một phần bản án sơ thẩm về phần án phí.

Không chấp nhận yêu cầu của Ông Nguyễn Văn T đòi Ông Nguyễn Văn Đ trả lại 01 ao thửa số 10, tờ bản đồ số 25, diện tích 555m^2 nằm tại Thôn Tháp D, xã Trung K, huyện LT, tỉnh BN.

Về án phí và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả ông Th 3.700.000 đồng và 300.000 đồng theo biên lai thu số 04379 ngày 04/12/2017 và 0001552 ngày 11/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LT, tỉnh BN.

Ông Nguyễn Văn T phải chịu 3.000.000 đồng tiền xem xét, thẩm định tại chỗ và tiền chi phí định giá tài sản (Xác nhận ông Th đã nộp đủ 3.000.000 đồng tiền chi phí định giá tài sản).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh BN;
- TAND huyện LT;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán- chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hữu Hòa